

Bản án số: **40/2025/HS-ST**

Ngày 26/9/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Kỳ Tùng và bà Đỗ Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn H, sinh ngày 24/11/1993 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: số C đường Đ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là số C đường Đ, phường N, tỉnh Khánh Hòa); giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Con ông: Nguyễn H1, sinh năm 1963 và bà Lê Thị D, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại Tạm giam khu vực 2 - Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Bị hại:** Vợ chồng chị Nguyễn Lê Thu T, sinh năm 1999; anh Trần Văn T1, sinh năm 1995; Trú tại: Tổ dân phố P, phường S, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn H1, sinh năm 1963; Trú tại: C đường Đ, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Người làm chứng:** Bà Phạm Thị P, sinh năm 1991; Trú tại: khu phố C, phường X, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/9/2024, Nguyễn H và Hoàng Đ (chưa xác định được thông tin, địa chỉ) đi xe khách từ phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa) đến phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là phường

X, tỉnh Đắk Lắk) để tìm người quen của Đ nhưng không gặp được. Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, H và Đ thuê phòng tại nhà nghỉ H2 thuộc khu phố C, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố C, phường X, tỉnh Đắk Lắk) để nghỉ ngơi. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H và Đ trả phòng rồi đi ra đường quốc lộ 1 để đón xe về lại phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa). Khoảng 23 giờ cùng ngày, chị Nguyễn Lê Thu T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 78K1-263.76 (là tài sản chung của vợ chồng) đến dừng tại sân nhà nghỉ H2 rồi vào thuê phòng ngủ qua đêm. Lúc này H và Đ vẫn chưa đón được xe, H đi vệ sinh thì nhìn thấy có nhiều xe mô tô dựng trong sân nhà nghỉ H2 nảy sinh ý định lấy trộm. H lấy 01 chìa khóa xe mô tô có sẵn trong túi quần của H lén lút đi đến cạy mở khóa xe mô tô biển kiểm soát 78K1-263.76 của chị T. H dắt xe mô tô 78K1-263.76 ra ngoài cổng rồi khởi động điều khiển chở Đ chạy đi về tỉnh Khánh Hòa. Đến ngày 29/4/2025, H đầu thú tại Công an phường P, thành phố N (cũ) về hành vi trộm cắp tài sản nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã S, tỉnh Phú Yên (cũ) kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 78K1-263.76 vào ngày 08/9/2024 có giá trị là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Phản dân sự: Bị cáo tác động gia đình đã bồi thường 10.000.000 đồng cho vợ chồng chị Nguyễn Lê Thu T, anh Trần Văn T1. Vợ chồng chị T, anh T1 không yêu cầu bồi thường gì khác

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSKV14 ngày 22/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn H phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại vợ chồng chị Nguyễn Lê Thu T, anh Trần Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, trình bày: Bị hại vợ chồng chị T, anh T1 đã nhận số tiền 10.000.000 đồng từ gia đình bị cáo nên không yêu cầu bồi thường gì khác và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H1 trình bày: ông H1 là cha ruột của bị cáo Nguyễn H, quá trình thăm nuôi bị cáo thì bị cáo đã nhờ ông bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Ông H1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại tiền cho ông H1.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành

vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: Nguyễn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn H từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2025.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng chị Nguyễn Lê Thu T, anh Trần Văn T1 đã nhận 10.000.000 đồng tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì khác nên đề nghị không xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa CD-R80MQ Speed compatible 52x nhãn hiệu maxell, màu vàng lưu trữ 07 (bảy) đoạn video camera an ninh được trích xuất từ hệ thống camera an ninh nhà nghỉ H2.

- Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 08/9/2024 tại nhà nghỉ H2 thuộc khu phố C, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố C, phường X, tỉnh Đắk Lắk), Nguyễn H lợi dụng sự sơ hở của chị Nguyễn Lê Thu T trong việc quản lý tài sản, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 78K1-263.76 của vợ chồng chị Nguyễn Lê Thu T, anh Trần Văn T1 trị giá 10.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác là đối tượng được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cho nhu cầu cá nhân, mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Xét thấy việc Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Hoàng Đ, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm người nhưng chưa có kết quả, chưa có đủ căn cứ để xác định Hoàng Đ có hành vi đồng phạm với bị cáo Nguyễn H. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk ra quyết định tách vụ án hình sự để điều tra, xử lý sau đối với Hoàng Đ là có căn cứ.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận 10.000.000đ tiền bồi thường do tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[4] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 đĩa CD-R80MQ Speed compatible 52x nhãn hiệu maxell, màu vàng lưu trữ 07 (bảy) đoạn video camera an ninh được trích xuất từ hệ thống camera an ninh nhà nghỉ H2 (được niêm phong theo quy định) là chứng cứ nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS;

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2025.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

[3] Về vật chứng vụ án: Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa CD-R80MQ Speed compatible 52x nhãn hiệu maxell, màu vàng lưu trữ 07 (bảy đoạn video camera an ninh được trích xuất từ hệ thống camera an ninh nhà nghỉ H2 (được niêm phong theo quy định).

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk (1)
- VKSND khu vực 14- Đắk Lắk (1)
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (1)
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đắk Lắk (1)
- Phòng THADS khu vực 14- Đắk Lắk (1);
- Phân trại TG khu vực 2-Trại TG số 2- Công an tỉnh Đắk Lắk (1)
- Bị cáo (1); Bị hại (1); Người có QLNVLQ (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

